

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2018-2019
Bậc đào tạo: Trung cấp

S TT	LỚP	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
KHÓA 2016 TCCN (9+3)														
1	16TC-Ô1	29		0	0,00	0	0,00	1	3,45	28	96,55	0	0,00	
2	16TC-MTT	22	21	0	0,00	1	4,55	2	9,09	17	77,27	2	9,09	
3	16TC-QTM	19	1	0	0,00	0	0,00	2	10,53	17	89,47	0	0,00	
TỔNG: 2016 TC		70	22	0	0,00	1	1,43	5	7,14	62	88,57	2	2,86	
KHÓA 2016 TCN (9+4)														
1	16TCN-Đ	30		0	0,00	0	0,00	0	0,00	26	86,67	4	13,33	Lê Minh Phong
2	16TCN-ĐT	25		0	0,00	0	0,00	0	0,00	23	92,00	2	8,00	
3	16TCN-LĐL1	32		0	0,00	1	3,13	0	0,00	31	96,88	0	0,00	
4	16TCN-CKL	29		0	0,00	2	6,90	4	13,79	23	79,31	0	0,00	
5	16TCN-Ô1	47		1	2,13	0	0,00	0	0,00	42	89,36	4	8,51	
6	16TCN-QTM1	41	2	0	0,00	0	0,00	1	2,44	39	95,12	1	2,44	
7	16TCN-KTD	15	15	0	0,00	3	20,00	0	0,00	12	80,00	0	0,00	
8	16TCN-QTD	26	21	0	0,00	2	7,69	5	19,23	15	57,69	4	15,38	Lữ Xuân Trang
TỔNG: 2016 TCN		245	38	1	0,41	8	3,27	10	4,08	211	86,12	15	6,12	
KHÓA 2017 Trung cấp (3N)														
1	17T4-ĐCN1	25		0	0,00	0	0,00	1	4,00	20	80,00	4	16,00	Cao Thị Nga
2	17T4-ĐCN2	21		0	0,00	0	0,00	3	14,29	17	80,95	1	4,76	
3	17T4-ĐĐT1	35		0	0,00	0	0,00	3	8,57	29	82,86	3	8,57	
4	17T4-ĐTC1	15	1	0	0,00	0	0,00	0	0,00	13	86,67	2	13,33	Tăng Cẩm Huệ
5	17T4-LĐL1	23		0	0,00	0	0,00	0	0,00	22	95,65	1	4,35	

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
6	17T4-LĐL2	26		0	0,00	0	0,00	2	7,69	23	88,46	1	3,85	
7	17T4-CNL1	36		0	0,00	0	0,00	4	11,11	28	77,78	4	11,11	Trần Đình Khoa
8	17T4-CKL1	14		0	0,00	0	0,00	0	0,00	12	85,71	2	14,29	Nguyễn Văn Đông
9	17T4-CCK1	28		0	0,00	0	0,00	1	3,57	22	78,57	5	17,86	
10	17T4-CCK2	30		0	0,00	0	0,00	3	10,00	27	90,00	0	0,00	
11	17T4-CNÔ1	30		0	0,00	0	0,00	1	3,33	26	86,67	3	10,00	Phan Anh Tuấn Kiệt
12	17T4-CNÔ2	36		0	0,00	0	0,00	2	5,56	32	88,89	2	5,56	
13	17T4-CNÔ3	38		0	0,00	0	0,00	0	0,00	36	94,74	2	5,26	
14	17T4-CNÔ4	24		0	0,00	0	0,00	1	4,17	21	87,50	2	8,33	
15	17T4-CNM1	33	28	0	0,00	0	0,00	3	9,09	24	72,73	6	18,18	Nguyễn thị Dinh
16	17T4-CMT1	20		0	0,00	0	0,00	1	5,00	18	90,00	1	5,00	
17	17T4-TKW1	21		0	0,00	0	0,00	1	4,76	18	85,71	2	9,52	
18	17T4-THU1	48	14	0	0,00	1	2,08	3	6,25	41	85,42	3	6,25	
19	17T4-LTM1	31	2	0	0,00	0	0,00	2	6,45	28	90,32	1	3,23	
20	17T4-QTM1	43	3	0	0,00	0	0,00	4	9,30	35	81,40	4	9,30	
21	17T4-KTD1	36	31	0	0,00	1	2,78	1	2,78	32	88,89	2	5,56	
22	17T4-QTD1	47	19	0	0,00	0	0,00	2	4,26	41	87,23	4	8,51	
23	17T4-NNA1	57	33	0	0,00	1	1,75	5	8,77	42	73,68	9	15,79	Lê Nguyễn Mỹ Trâm
TỔNG: 2017T4		717	131	0	0,00	3	0,42	43	6,00	607	84,66	64	8,93	
KHÓA 2018 Trung cấp (3N)														
1	18T4-ĐCN1	30		0	0,00	0	0,00	0	0,00	24	80,00	6	20,00	Vũ Hạnh Chiêu
2	18T4-ĐCN2	26		0	0,00	0	0,00	1	3,85	24	92,31	1	3,85	
3	18T4-ĐĐT1	51		0	0,00	0	0,00	1	1,96	34	66,67	16	31,37	Nguyễn Văn Yên
4	18T4-CĐT1	41		2	4,88	5	12,20	7	17,07	24	58,54	3	7,32	
5	18T4-KML1	41		0	0,00	0	0,00	0	0,00	27	65,85	14	34,15	Nguyễn Vũ Xuân Thi
6	18T4-VSL1	46		0	0,00	0	0,00	4	8,70	41	89,13	1	2,17	
7	18T4-VSL2	46		0	0,00	0	0,00	0	0,00	43	93,48	3	6,52	
8	18T4-CKC1	31		0	0,00	0	0,00	2	6,45	26	83,87	3	9,68	
9	18T4-CCK1	30		0	0,00	1	3,33	1	3,33	19	63,33	9	30,00	Vũ Quang Khải

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
10	18T4-CCK2	30		6	20,00	1	3,33	2	6,67	20	66,67	1	3,33	
11	18T4-CNÔ1	39	1	0	0,00	0	0,00	2	5,13	32	82,05	5	12,82	Sĩ Thị Chung
12	18T4-CNÔ2	46		0	0,00	0	0,00	1	2,17	41	89,13	4	8,70	
13	18T4-CNÔ3	35		0	0,00	0	0,00	2	5,71	31	88,57	2	5,71	
14	18T4-CNÔ4	47		0	0,00	0	0,00	5	10,64	41	87,23	1	2,13	
15	18T4-CNÔ5	46		0	0,00	0	0,00	1	2,17	33	71,74	12	26,09	Trần Quốc Duy
16	18T4-CNÔ6	28		0	0,00	0	0,00	2	7,14	23	82,14	3	10,71	Phạm Thị Vinh
17	18T4-CNM1	49	42	0	0,00	0	0,00	6	12,24	31	63,27	12	24,49	Bùi Thị Ngọc Sương
18	18T4-ANM1	38	4	3	7,89	5	13,16	13	34,21	17	44,74	0	0,00	
19	18T4-CMT1	28		0	0,00	0	0,00	6	21,43	22	78,57	0	0,00	
20	18T4-CMT2	25		0	0,00	1	4,00	6	24,00	18	72,00	0	0,00	
21	18T4-TKW1	34	6	0	0,00	0	0,00	3	8,82	29	85,29	2	5,88	
22	18T4-THU1	30	7	0	0,00	1	3,33	0	0,00	26	86,67	3	10,00	Cao Xuân Giang
23	18T4-THU2	24	4	0	0,00	4	16,67	4	16,67	14	58,33	2	8,33	
24	18T4-TKĐ1	42	12	0	0,00	3	7,14	10	23,81	26	61,90	3	7,14	
25	18T4-TKĐ2	35	10	0	0,00	1	2,86	6	17,14	25	71,43	3	8,57	
26	18T4-LTM1	36	1	0	0,00	4	11,11	3	8,33	29	80,56	0	0,00	
27	18T4-LTM2	33	4	0	0,00	0	0,00	5	15,15	16	48,48	12	36,36	Võ Thị Kim Thư
28	18T4-QTM1	49	1	0	0,00	0	0,00	0	0,00	38	77,55	11	22,45	Lê Phi Trường
29	18T4-TCD1	18	9	0	0,00	0	0,00	2	11,11	16	88,89	0	0,00	
30	18T4-KTD1	53	44	0	0,00	4	7,55	20	37,74	23	43,40	6	11,32	Trần Thị Ngọc Dung
31	18T4-QTD1	41	26	0	0,00	0	0,00	4	9,76	32	78,05	5	12,20	Nguyễn Mỹ Tiên
32	18T4-QTD2	39	24	0	0,00	0	0,00	10	25,64	23	58,97	6	15,38	Trịnh Hoàng Hiệp
33	18T4-NNA1	46	27	0	0,00	0	0,00	0	0,00	29	63,04	17	36,96	Nguyễn Thị Thu Hà
34	18T4-NNA2	47	34	0	0,00	0	0,00	6	12,77	38	80,85	3	6,38	
35	18T4-NNA3	46	27	0	0,00	0	0,00	5	10,87	35	76,09	6	13,04	Nguyễn thị Nhuận
36	18T4-KXD1	20		0	0,00	0	0,00	0	0,00	20	100,00	0	0,00	
TỔNG: 2018T4		1346	283	11	0,82	30	2,23	140	10,40	990	73,55	175	13,00	

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
KHÓA 2018 Trung cấp (1N3)														
1	18T2-CNÔ1	46	2	1	2,17	3	6,52	11	23,91	31	67,39	0	0,00	
TỔNG: 2018T2		46	2	1	2,17	3	6,52	11	23,91	31	67,39	0	0,00	
TỔNG BẬC TC		2.424	476	13	0,54	45	1,86	209	8,62	1.901	78,42	256	10,56	-

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT-HSSV



Lê Xuân Thiện

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh

Từ TB trở lên	2168	89,44
Yếu	256	10,56